

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2020

Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ năm 2020 ngành Quản trị - Quản lý, chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ với các nội dung cụ thể như sau:

I. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ phù hợp với các ngành, chuyên ngành theo quy định tại *Phụ lục 1*. Các bằng tốt nghiệp thuộc chuyên ngành không có trong danh mục này nhưng có chuyên môn gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển sẽ được Hội đồng Tuyển sinh của Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo xem xét cụ thể sau khi người dự tuyển nộp hồ sơ.

2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học (danh mục tạp chí được quy định tại *Phụ lục 2*) hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Trong trường hợp người dự tuyển có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ được quy định tại điểm a, b bằng các ngôn ngữ khác (không phải bằng tiếng Anh) hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại *Phụ lục 3* tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể



diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài còn hạn theo quy định hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của Học viện.

II. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý khoa học và công nghệ năm 2020 tại Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo là 06 nghiên cứu sinh.

III. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển gồm:

a) Đơn xin dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ (*theo mẫu M1*);

b) Lý lịch khoa học tự thuật (*theo mẫu M2*);

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

d) Bảng kê tổng hợp bài báo/công trình khoa học đã công bố, xếp theo mục lục tự lập, kèm theo bản sao các bài báo, công trình khoa học theo qui định, được đóng thành quyển, gồm: trang bìa, mục lục và toàn văn các bài viết;

đ) Mẫu bài luận dự định nghiên cứu (*theo mẫu M3*);

Hướng nghiên cứu và danh sách người hướng dẫn khoa học tham khảo tại *Phụ lục 4*.

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (*theo mẫu M4*);

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

h) Bản sao hợp lệ các giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên được chứng thực;

i) 02 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên và địa chỉ liên hệ của người dự tuyển; 02 ảnh 4 x 6 (*nền trắng*) chụp trong thời gian 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

2. Số lượng hồ sơ dự tuyển cần nộp

Số lượng hồ sơ dự tuyển nộp cho cơ sở đào tạo: 01 bộ.

VI. Địa điểm, thời gian và phương thức tuyển sinh

1. Địa điểm tuyển sinh

- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:
- Ban Quản lý khoa học và đào tạo, Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo
- Địa chỉ phòng 201 nhà A, 38 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (024), 39342638
- Địa điểm xét tuyển nghiên cứu sinh: Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, 38 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Thời gian tuyển sinh

- Thời gian phát hành và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/8 đến ngày 15/11/2020 (*Hồ sơ dự tuyển đã nộp không trả lại*).
- Thời gian xét tuyển dự kiến: từ ngày 24 đến ngày 27/11/2020.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: 10/12/2020.
- Thời gian nhập học: tháng 24/12/2020.

3. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển
- Quy trình xét tuyển:
 - + Đánh giá theo hồ sơ dự tuyển;
 - + Người dự tuyển trình bày bài luận, đề cương vấn đề dự định nghiên cứu trước tiêu ban nội dung.

V. Lệ phí tuyển sinh và học phí dự kiến

1. Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí đăng ký tuyển sinh: 100.000 đồng/hồ sơ;
- Lệ phí xét tuyển nghiên cứu sinh: 500.000 đồng/người dự tuyển.

2. Học phí dự kiến

- Năm học 2021-2022: 12.125.000 đồng/kỳ/năm

VI. Các ưu đãi và hỗ trợ cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Người dự tuyển sau khi trúng tuyển sẽ được Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo cho phép tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học của Học viện, các hoạt động sinh hoạt chuyên đề nâng cao, khảo sát thực tế, cùng công bố kết quả nghiên cứu với các nhà khoa học của Học viện.

Để được tư vấn chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Chị Nguyễn Thị Thu Hương ĐT: 0942.781.328, Email: bqlkhdt@most.gov.vn.

Địa chỉ: Ban Quản lý khoa học và đào tạo, Học viện Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, 38 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Thông tin chi tiết về tuyển sinh được cập nhật trên trang thông tin điện tử www.visti.gov.vn.

Nơi nhận:

- Các tổ chức, cá nhân liên quan;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Lưu VT, Ban QLKHĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Song

Phụ lục 1

**DANH MỤC BẰNG THẠC SĨ PHÙ HỢP
ÁP DỤNG CHO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2020**
(Ban hành kèm theo Thông báo số 397 /TB-HVKHCN ngày 03 tháng 8 năm 2020 của
Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo)

1. Ngành Khoa học giáo dục (mã số 601401):

- Quản lý giáo dục (mã số 60140114)

2. Ngành Kinh tế học (mã số 603101):

- Kinh tế học (mã số 60310101)

- Kinh tế chính trị (mã số 60310102)

- Kinh tế đầu tư (mã số 60310104)

- Kinh tế phát triển (mã số 60310105)

- Kinh tế quốc tế (mã số 60310106)

3. Ngành chính trị học (mã số 603102):

- Chính trị học (mã số 60310201)

4. Ngành xã hội học (mã số 60310301)

5. Ngành Báo chí và thông tin (mã số 6032):

- Báo chí và truyền thông (mã số 603201)

- Báo chí học (mã số 60320101)

- Truyền thông đại chúng (mã số 60320105)

- Quan hệ công chúng (mã số 60320108)

6. Ngành Kinh doanh và quản lý (mã số 6034):

- Kinh doanh (mã số 603401)

- Quản trị kinh doanh (mã số 60340102)

- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã số 60340103)

- Kinh doanh thương mại (mã số 60340121)

- Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (mã số 603402)

7. Ngành Kế toán- kiểm toán (mã số 603403):

- Kế toán (mã số 60340301)

8. Ngành Quản trị - Quản lý (mã số 603404):

- Chính sách công (mã số 60340402)
- Quản lý công (mã số 60340403)
- Quản trị nhân lực (mã số 60340404)
- Hệ thống thông tin quản lý (mã số 60340405)
- Quản trị văn phòng (mã số 60340406)
- Quản lý kinh tế (mã số 60340410)
- Quản lý khoa học và công nghệ (mã số 60340412)
- Quản lý công nghiệp (mã số 60340414)
- Quản lý năng lượng (mã số 60340416)

9. Ngành Pháp luật (mã số 6038):

- Luật (mã ngành 603801)
- Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật (mã số 60380101)
- Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 60380102)
- Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 60380103)
- Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 60380104)
- Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm (mã số 60380105)
- Luật kinh tế (mã số 60380107)
- Luật quốc tế (mã số 60380108)

10. Ngành Quản lý công nghiệp (mã số 605106)

11. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số 60850101)

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC/KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC ÁP DỤNG CHO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông báo số 397 /TB-HVKHCN ngày 03 tháng 8 năm 2020
của Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo)

1. Danh mục tạp chí được tính điểm

STT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản
1.	Các tạp chí khoa học nước ngoài cấp quốc gia và quốc tế (thuộc lĩnh vực quản lý/chính sách KH&CN) viết bằng một trong các thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Tây Ban Nha		Tạp chí	
2.	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học cấp quốc gia và quốc tế (thuộc lĩnh vực quản lý/chính sách KH&CN) và được đăng toàn văn trong Kỷ yếu hội nghị có phần biên khoa học		Báo cáo	
3.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam		Tạp chí	Bộ KH&CN
4.	Chính sách và Quản lý KH&CN	1859-3801	Tạp chí	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo
5.	Cộng sản	0876-7876	Tạp chí	Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
6.	Lý luận chính trị (kể cả Nghiên cứu lý luận)	0868-2771	Tạp chí	Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia HCM
7.	Triết học (tiếng Anh và tiếng Việt)	0866-7632	Tạp chí	Viện Triết học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
8.	Xã hội học	0866-7632	Tạp chí	Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
9.	Châu Mỹ ngày nay	0868-3654	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
10.	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

STT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản
11.	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
12.	Khoa học xã hội	1859-0136	Tạp chí	Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
13.	Nhà nước và Pháp luật	0866-7446	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
14.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
15.	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tính cả nghiên cứu Nhật Bản)	0868-3646	Tạp chí	Viện nghiên cứu Đông Bắc Á
16.	Khoa học chính trị	1859-0187	Tạp chí	Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia HCM, Khu vực II, TP. Hồ Chí Minh
17.	Tổ chức nhà nước	0868-7683	Tạp chí	Bộ Nội vụ
18.	Tuyên giáo (tính cả: Tư tưởng văn hóa; Công tác tư tưởng lý luận)	1859-2295	Tạp chí	Ban Tuyên giáo Trung ương
19.	Quản lý nhà nước	0868-2828	Tạp chí	Học viện Hành chính quốc gia, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
20.	Nghiên cứu Quốc tế (tiếng Việt và tiếng Anh)	1859-0608	Tạp chí	Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao
21.	Khoa học (KHXH)	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội
22.	Nhân lực khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
23.	Thông tin KHXH	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

STT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản
24.	Khoa học (KHXH)	1859-3100	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM
25.	Khoa học và công nghệ	1859-1388	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng
26.	Khoa học (KHXH)	1859-1388	Tạp chí	Đại học Huế
27.	Khoa học (KHXH)	0868-3719	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
28.	Nghiên cứu kinh tế	0866-7489	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
29.	Kinh tế và phát triển	1859-0012	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
30.	Phát triển kinh tế	1859-1116	Tạp chí	Trường Đại học KT TP.HCM
31.	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới (tên cũ: Những vấn đề Kinh tế Thế giới)	0868-2984	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
32.	Quản lý nhà nước	0868-2828	Tạp chí	Học viện Hành chính QG
33.	Cộng sản	0866-7276	Tạp chí	Trung ương Đảng CSVN
34.	Kinh tế-Dự báo	0866-7120	Tạp chí	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
35.	Các tạp chí thuộc khối khoa học Kinh tế, quản lý và kinh doanh của ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia TP.HCM, ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế và các trường ĐH khác (nếu có)		Tạp chí	
36.	Vietnam Socio-Economic Development	0868-359X	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
37.	Vietnam Economic Review	0868-2984	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
38.	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tên cũ: Khoa học Kinh tế Nông nghiệp; Nông nghiệp và Công nghiệp; Kinh tế Nông nghiệp)	0866-7020	Tạp chí	Bộ NN&PTNT
39.	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	1859-0519	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
40.	Nghiên cứu Quốc tế	1859-0608	Tạp chí	Học viện Quan hệ quốc tế



STT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản
41.	Khoa học Chính trị	1859-0187	Tạp chí	Học viện Chính trị-Hành chính QG HCM (Phân viện TP. HCM)
42.	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	0868-3808	Tạp chí	Trung tâm Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương
43.	Quản lý Kinh tế	1859-039X	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương
44.	Tạp chí KH&CN	1859-3712	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp, TP.HCM
45.	Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội	1859-0764	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ
46.	Kinh tế và Quản lý	1859-4565	Tạp chí	Học viện Chính trị-Hành chính QG HCM
47.	Khoa học và công nghệ	1859-3585	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

2. Các tạp chí tương đương khác./.

Phụ lục 3**BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI**
(Ban hành kèm theo Thông báo số 397/TB-HVKHCN ngày 03 tháng 8 năm 2020
của Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo)

Stt	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

VI
AH
3 N
01
NG T

Phụ lục 4

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN, CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU CÓ THỂ TIẾP NHẬN NGHIÊN CỨU SINH ÁP DỤNG CHO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông báo số 394 /TB-HVKHCN ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo)

1. Danh sách người hướng dẫn nghiên cứu sinh và các hướng nghiên cứu tiếp nhận nghiên cứu sinh

TT	Người hướng dẫn	Hướng nghiên cứu tiếp nhận NCS 2020	Chủ đề tiếp nhận NCS mở rộng
1.	PGS. TS Hoàng Minh	- Gắn kết nghiên cứu, đào tạo và đổi mới - Đổi mới mô hình phương thức quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia	- Hội nhập Quốc tế về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới
2.	TS. Nguyễn Ngọc Song	- Đầu tư và tài chính KH&CN	- Đầu tư và tài chính KH&CN
3.	PGS. TS Trần Ngọc Ca	- Quản trị và đổi mới công nghệ - Chính sách và quản lý đổi mới sáng tạo (innovation) - Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN - Năng lực công nghệ của doanh nghiệp	
4.	PGS.TS. Mai Hà	- Dịch vụ KH&CN (Thông tin KH&CN) - Vận dụng cách tiếp cận HTĐM quốc gia để xây dựng và phân tích chính sách KH&CN	- Hội nhập quốc tế về KH&CN - Dự báo và chiến lược KH&CN
5.	TS. Nguyễn Hoàng Hải	- Quản lý khoa học và công nghệ - Đổi mới hệ thống quản lý nhà nước về KH&CN	
6.	TS. Trần Quang Huy	- Chính sách tổ chức và nhân lực KH&CN	- Phát triển nguồn nhân lực KH&CN - Phát triển tổ chức KH&CN theo định hướng tổ chức học tập
7.	TS. Nguyễn Văn Hồng	- Quản trị ĐMST mở - Quản trị khoa học công nghệ & đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp - Phát triển KH&CN trên nền tảng quả	

8.	TS. Nguyễn Đình Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức chuyển giao công nghệ - Đổi mới tổ chức KH&CN nhà nước theo hướng tăng tự chủ, tự chịu trách nhiệm - Quản trị công nghệ 	
9.	TS. Bạch Tân Sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Di chuyển nhân lực KH&CN - Phát triển doanh nghiệp KH&CN - Hệ thống đổi mới quốc gia ở Việt Nam - Hội nhập quốc tế về KH&CN 	
10.	TS. Hoàng Xuân Long	<ul style="list-style-type: none"> - Dự báo và chiến lược KH&CN 	
11.	TS. Tạ Doãn Trịnh	<ul style="list-style-type: none"> - Dự báo và chiến lược KH&CN - Quản trị công nghệ (Chiến lược công nghệ) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư và tài chính KH&CN - Quản lý nhiệm vụ KH&CN
12.	TS. Hoàng Văn Tuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề về hệ thống tổ chức R&D - Doanh nghiệp KH&CN - Nghiên cứu trong cơ sở giáo dục đại học - Hệ thống đổi mới ngành - Chính sách đổi mới 	
13.	TS. Nguyễn Quang Tuấn	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp KH&CN - Tổ chức chuyển giao công nghệ - Thị trường công nghệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thương mại hóa và chuyển giao công nghệ
14.	TS. Đặng Duy Thịnh	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi mới tổ chức KH&CN nhà nước theo hướng tăng tự chủ, tự chịu trách nhiệm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch hóa KH&CN - Hệ thống tổ chức KH&CN
15.	GS.TS. Hoàng Văn Phong	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp KH&CN - Tổ chức chuyển giao công nghệ 	
16.	GS.TS. Trần Quốc Thắng	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường công nghệ - Hội nhập quốc tế về KH&CN 	
17.	TSKH. Nghiêm Vũ Khải	<ul style="list-style-type: none"> - Dự báo và chiến lược KH&CN - Quản lý nhiệm vụ KH&CN 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội nhập quốc tế về KH&CN - Hệ thống bộ máy quản lý KH&CN
18.	PGS. TS. Đặng Ngọc Đình	<ul style="list-style-type: none"> - Dự báo và chiến lược KH&CN 	
19.	GS. TS. Đỗ Hữu Hào	<ul style="list-style-type: none"> - Mối quan hệ giữa KH&CN và KT-XH 	

		- Quản trị công nghệ (Chiến lược công nghệ)	
20.	TS. Hồ Ngọc Luật	- Mối quan hệ giữa KH&CN và KT-XH	- Hệ thống bộ máy quản lý KH&CN - Vấn đề KH&CN địa phương
21.	TS. Trần Quốc Khánh	- Phát triển nhân lực KH&CN	
22.	TS. Trần Việt Thanh	- Hội nhập quốc tế về KH&CN	

2. Danh sách các hướng nghiên cứu tiếp nhận nghiên cứu sinh năm 2020

TT	Các hướng nghiên cứu tiếp nhận nghiên cứu sinh năm 2020
1	Quản lý các nhiệm vụ KH&CN từ NSNN <ul style="list-style-type: none"> - Đổi mới quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia (chương trình, đề án KH&CN) - Đổi mới quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, ngành và địa phương - Đổi mới quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
2	Đầu tư và tài chính cho khoa học và công nghệ, <ul style="list-style-type: none"> - Phân công, phân cấp trong quản lý ngân sách nhà nước cho KH&CN - Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách KH&CN (giữa các loại hình nghiên cứu (NCCB-NCUD-PTCN; giữa phát triển hạ tầng – đào tạo – nhiệm vụ KH&CN; giữa trung ương – địa phương; ...) - Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng đối với các nhiệm vụ KH&CN - Đầu tư cho tổ chức KH&CN dựa vào hiệu quả hoạt động và kết quả đầu ra
3	Huy động các nguồn lực xã hội cho khoa học và công nghệ <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN - Thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài cho hoạt động KH&CN
4	Thu hút, sử dụng, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ KH&CN <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo và sử dụng cán bộ KH&CN - Chính sách lương cho nhà khoa học, cán bộ KH&CN - Thu hút các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài và nhà khoa học người nước ngoài tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam - Di chuyển nhân lực KH&CN - Cơ chế gắn kết giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ KH&CN
5	Phát triển thị trường khoa học và công nghệ <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ - Thương mại hóa kết quả nghiên cứu - Các yếu tố cơ bản tác động đến sự vận hành và phát triển của TTCN - Phát triển các loại hình tổ chức trung gian môi giới trong chuyển giao công nghệ

6	Tổ chức và Hệ thống tổ chức KH&CN <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển doanh nghiệp KH&CN - Liên kết Viện, Trường và Doanh nghiệp trong phát triển công nghệ - Phát triển nhóm nghiên cứu mạnh - Phát triển khu công nghệ cao - Phát triển cụm đổi mới - Đổi mới tổ chức KH&CN nhà nước theo hướng tăng tự chủ tự chịu trách nhiệm - Hệ thống đổi mới quốc gia ở Việt Nam (cách tiếp cận HT ĐMQG trong cải cách hệ thống tổ chức KH&CN)
7	Hội nhập quốc tế về KH&CN
8	Các vấn đề khác <ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ giữa nhập công nghệ và phát triển công nghệ nội sinh - Dự báo và chiến lược KH&CN - Mối quan hệ giữa KH&CN và KT-XH - Đổi mới hệ thống bộ máy quản lý KH&CN - Quản trị công nghệ